TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 58/2023/KDTM-ST.
Ngày 20-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Thải**.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Võ Phương Trang**.
2. Bà **Bùi Diệu Huệ**.

***Thư ký phiên tòa*: Ông **Chiêm Tiền Quí Nhân –** Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2023/QĐST-KDTM ngày 26/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH Gạch P**;
Địa chỉ: Số 260 Phường B, thành phố S, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Tân K, sinh năm 1980, Địa chỉ: 468/28 Phường B, thành phố S, tỉnh T, là người đại diện ủy quyền. (Giấy ủy quyền số 02/GUQ ngày 11/01/2021 của Giám đốc Công ty TNHH Gạch P). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: **Công ty TNHH tư vấn xây dựng G**;
Địa chỉ: Số 59 phường B, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, chức vụ: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; đơn sửa đổi bổ sung khởi kiện và bản tự khai, Công ty TNHH Gạch P (gọi tắt là công ty P), có ông Phạm Tân K đại diện ủy quyền, trình

bày: Để thực hiện mua bán bê tông tươi và mua bán cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn, công ty P và Công ty TNHH tư vấn xây dựng G (gọi tắt là công ty G) đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 0201/2019/HĐNT-MBBT/VTP-TG ngày 01/12/2018 và Hợp đồng kinh tế số 031218/2018/HĐKT/TG-TP ngày 03/12/2018. Tổng giá trị hai hợp đồng đã thực hiện là 2.471.988.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi mốt triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng). Công ty G đã thanh toán cho công ty P số tiền 1.552.309.000 đồng và còn nợ 919.679.000 đồng. Nhận thấy công nợ phát sinh vượt quá trong hợp đồng nên công ty P tạm dừng cung cấp bê tông tươi và cống cho công ty G. Ngày 21/10/2019, công ty G gửi công văn cam kết thanh toán công nợ cho công ty P và ngày 09/01/2020, công ty G xác nhận số tiền nợ 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Tuy nhiên, đến nay, công ty G vẫn không thanh toán số tiền nợ nói trên cho công ty P.

Do đó, công ty P yêu cầu buộc công ty G phải trả số tiền còn nợ là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Trước đây, công ty P yêu cầu buộc công ty G phải trả số nợ là 903.399.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ, với số tiền lãi là 68.975.925 đồng. Nay, công ty P xác định lại yêu cầu của mình là chỉ yêu cầu buộc công ty G phải trả số nợ là 903.399.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ.

Công ty TNHH tư vấn xây dựng G, có ông Trần Văn T đại diện theo pháp luật đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH tư vấn xây dựng G.

Tại phiên toà hôm nay:

* Công ty TNHH Gạch P (gọi tắt là công ty P) có có ông Phạm Tân K đại diện ủy quyền, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc Công ty TNHH tư vấn xây dựng G (gọi tắt là công ty G) phải thanh toán số tiền còn nợ tổng cộng là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Công ty P tự nguyện rút lại một phần yêu cầu về việc buộc công ty G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng) và có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Công ty TNHH tư vấn xây dựng G (gọi tắt là công ty G), có ông Trần Văn T đại diện theo pháp luật đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty P nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật như thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền,

xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định, tuy nhiên về thời hạn xét xử có chậm hơn so với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, tuân thủ đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Về nội dung: Giữa công ty P với công ty G có ký hợp đồng nguyên tắc và hợp đồng kinh tế để thỏa thuận mua bán hàng hóa với nhau, căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng, bảng chi tiết công nợ và thư xác nhận nợ, có cơ sở xác định phía công ty G còn nợ công ty P số tiền 903.399.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của công ty P buộc công ty G phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Phía công ty P đã rút lại một phần yêu cầu về việc buộc công ty G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng), việc rút lại một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn là Công ty TNHH tư vấn xây dựng G có trụ sở hoạt động tại quận B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung: Giữa Công ty TNHH Gạch P (gọi tắt là công ty P) với Công ty TNHH tư vấn xây dựng G (gọi tắt là công ty G) thực hiện mua bán hàng hóa với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng, giữa đôi bên có tranh chấp nên công ty P có đơn khởi kiện công ty G tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Qua yêu cầu khởi kiện của công ty P buộc công ty G phải thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 903.399.000 đồng và tự nguyện rút lại một phần yêu cầu về việc buộc công ty G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1]. Theo Hợp đồng nguyên tắc số 0201/2019/HĐNT-MBBT/VTP-TG ngày 01/12/2018 và Hợp đồng kinh tế số 031218/2018/HĐKT/TG-TP ngày 03/12/2018, phía công ty P bán cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn cho công ty G. Công ty P đã thực hiện giao hàng hóa nhưng công ty G đã không thanh toán đủ tiền, theo sổ chi tiết công nợ ngày 02/3/2020 của công ty P, xác định số tiền công ty G còn nợ từ ngày 20/12/2018 đến ngày 29/02/2020 là 919.679.000 đồng (Chín trăm mười chín triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn đồng). Tuy nhiên, đến

ngày ngày 09/01/2020, công ty G có "Thư xác nhận phải trả" gửi cho công ty P và xác nhận số tiền còn nợ là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng). Như vậy, có cơ sở xác định số tiền mua bán hàng hóa, phía công ty G còn nợ công ty P là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Từ những nhận định trên, công ty P yêu cầu buộc công ty G phải trả làm một lần số tiền còn nợ 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng) là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2]. Ngày 28/02/2023, công ty P có đơn sửa đổi bổ sung khởi kiện cùng bản tự khai và tự nguyện rút lại một phần yêu cầu về việc buộc công ty G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, nên đình chỉ yêu cầu này của công ty P theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Công ty G, có ông Trần Văn T đại diện theo pháp luật đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu có mặt để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty P nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp chấp nhận yêu cầu của công ty P, buộc công ty G phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng) và đình chỉ phần yêu cầu buộc công ty G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng) của công ty P. Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tại phiên tòa là có căn cứ và cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì: công ty G chịu trách nhiệm trả tiền cho công ty P nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 903.399.000 đồng. Công ty G phải chịu án phí là 39.101.970 đồng.

Công ty P không phải chịu án phí KDTMST. Hoàn trả cho công ty P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.829.824 đồng theo biên lai thu số 0063185 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 203; Điều 217; Điều 218; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gạch P.

Buộc Công ty TNHH tư vấn xây dựng G có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Gạch P số tiền còn nợ 903.399.000 đồng (Chín trăm lẻ ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH Gạch P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH tư vấn xây dựng G chưa trả khoản tiền trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của Công ty TNHH Gạch P về việc buộc Công ty TNHH tư vấn xây dựng G phải thanh toán số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 68.975.925 đồng (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm hai mươi lăm đồng).

3. Án phí KDTMST: Công ty TNHH tư vấn xây dựng G phải chịu số tiền án phí là 39.101.970 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm lẻ một ngàn chín trăm bảy mươi đồng).

Công ty TNHH Gạch P không phải chịu án phí KDTMST. Hoàn trả cho Công ty TNHH Gạch P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.829.824 đồng (Hai mươi triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm hai mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0063185 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện do đương sự rút đã được đình chỉ, đương sự được kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại địa phương.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Tân;
- CC THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP (Nhân).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)
Nguyễn Thành Thải